

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2022/HC-PT
Ngày: 10/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 285/2021/TLPT-HC ngày 13 tháng 9 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6809/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa:

**** Người khởi kiện:***

- Bà Phùng Thị Kim P; Địa chỉ: Số 002 đường S, phường C, thành phố L, tỉnh L; có mặt.

- Bà Phùng Thị P1; Địa chỉ: Số 001A đường S, phường C, thành phố L, tỉnh L; có mặt.

- Bà Phùng Thị L1; Địa chỉ: Số 054 đường S1, phường T, thành phố L, tỉnh L.

- Ông Phùng Văn T1; Địa chỉ: Số 008 đường S, phường C, thành phố L, tỉnh L.

- Bà Phùng Kim D; Địa chỉ: Số nhà 038 đường G, thị trấn M1, huyện M2, tỉnh L.

- Bà Phùng Thị Kim L2; Địa chỉ: Số 098 đường C1, phường T, thành phố L, tỉnh L.

- Ông Phùng Văn T2; Địa chỉ: Số 024 đường P2, tổ dân phố số 1, thị trấn P3, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1, ông T1, bà D, bà L2, ông T2 là bà Phùng Thị P1, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Phùng Thị P1: Ông Nguyễn Văn Đ và ông Vũ V, Luật sư Công ty Luật TNHH Đ1 và V1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L.

Địa chỉ: Đường 19/5 thị trấn P3, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh Q - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T3 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện B; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án Người khởi kiện bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, ông Phùng Văn T1, bà Phùng Kim D, bà Phùng Thị Kim L2, ông Phùng Văn T2 trình bày:

Ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị Kim P, ông Phùng Văn T1, bà Phùng Kim D, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị P1 và bà Phùng Thị Kim L2 là các con đẻ của ông Phùng Văn T4 (đã chết năm 1999) và bà Cán Thị Q1 (chết năm 1971).

Nguồn gốc diện tích đất của gia đình người khởi kiện bị UBND huyện B thu hồi là đất của bên ngoài cho con gái là bà Cán Thị Q1. Năm 1952, bà Cán Thị Q1 kết hôn với ông Phùng Văn T4 và đã sinh sống, làm nhà trên mảnh đất diện tích khoảng 1.500m². Quá trình sử dụng đất như sau:

- Từ trước năm 1952 đến năm 1979, gia đình ông T4 bà Q1 cùng với 07 người con sống trong căn nhà gỗ 5 gian 2 trái gồm bếp, chuồng lợn, gà, giếng, vườn cùng nằm trên một thửa đất. Sau khi Trung Quốc đánh Việt Nam (năm 1979) thì nhà cửa bị cháy hết nên gia đình người khởi kiện phải làm lại nhà.

- Năm 1981, ông T4 cho bà Phùng Thị Kim P và bà Phùng Thị L1 mỗi người một phần đất trong mảnh đất trên để ở. Sau khi được cho đất thì vợ chồng bà P và bà L1 đều dựng nhà trên đất để sinh sống.

- Năm 1983, ông Đoàn P4 - Chủ tịch xã P3 đã đến động viên gia đình ông T4 cho mượn khoảng hơn một nửa thửa đất để làm chợ. Đến năm 1988, do chợ bị cháy nên tất cả nhà cửa của ông T4 và các con đều bị cháy, mất hết tài sản.

- Năm 1988, 1989, 1991 ông T4 cho 5 người con là ông Phùng Văn T1, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị Kim L2, bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Thị L1 mỗi người một phần đất để ở;

- Từ năm 1991 đến nay, toàn bộ nhà cửa, đất đai, tài sản trên đất của 07 hộ gia đình ông T4 và các con vẫn được ở, sử dụng và giữ nguyên vị trí, không có tranh chấp với ai. Tuy nhiên, do thời gian và thiên tai (bão lũ) nên phần nhà ở đã bị mục và đổ, những người khởi kiện đã xin dựng lại nhưng UBND thị trấn P3 cho rằng đất quy hoạch nên không được làm lại.

Trong quá trình ông Phùng Văn T4 sinh sống trên diện tích đất trên, năm 1995 đã được UBND huyện B đo vẽ toàn bộ diện tích đất mang tên chủ sử dụng ông Phùng Văn T4, thửa đất số 66, diện tích 1.371,3m², tờ bản đồ số F48-65-09(19-6), mục đích sử dụng là đất ở được ký hiệu chữ “T” (theo Quyết định số 499/QĐ/ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính).

Năm 1971 bà Cấn Thị Q1 chết, năm 1999 ông Phùng Văn T4 chết, không để lại di chúc, các đồng thừa kế chưa làm thủ tục khai di sản theo quy định của pháp luật, sau đó 07 người con của ông T4 bà Q1 vẫn sử dụng diện tích đất trên để ở theo sự phân chia bằng miệng của ông T4, mỗi người một thửa đất để dựng nhà ở ổn định, không tranh chấp với ai, tổ trưởng tổ dân phố xác nhận cho 07 người con có sinh sống tại địa chỉ thửa đất.

Năm 2007, UBND huyện B đã tự ý đo vẽ toàn bộ diện tích đất trên mang tên ông Phùng Văn T2, vào sổ mục kê lưu trữ tại UBND thị trấn P3 và UBND huyện B là sai quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2017, UBND huyện B đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 366/TB-UBND mang tên ông Phùng Văn T4 là chủ hộ (đã chết) và tiến hành một loại trình tự thu hồi đất khác có sai phạm, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các con ông T4. Vì vậy, các con ông T4 đã khởi kiện vụ án hành chính đối với các quyết định hành chính liên quan đến việc thu hồi đất của UBND huyện B. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 17/5/2019 của TAND tỉnh L đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND huyện B v/v thu hồi đất và Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 14/8/2018

của UBND huyện B v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B, tỉnh L.

Ngày 14/8/2019, UBND huyện B ban hành Thông báo thu hồi đất số 905/TB-UBND, trong đó xác định loại đất đang sử dụng: Đất ở tại đô thị 600m², đất trồng cây lâu năm 588m², vị trí thửa đất bị thu hồi là thửa đất số 01, tờ bản đồ DC61, tại tổ dân phố số 1, thị trấn P3, huyện B, tỉnh L là không đúng theo những giấy tờ, tài liệu mà người khởi kiện đã cung cấp. Sau khi nhận được Thông báo thu hồi đất những người khởi kiện đã nhiều lần khiếu nại lên UBND huyện B nhưng không được giải quyết.

Đến nay, người khởi kiện nhận được Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện B và cho rằng các quyết định này đã xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Vì vậy đã có Đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B, tỉnh L đối với ông Phùng Văn T4 của UBND huyện B.

- Hủy Quyết định số 7019/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B, tỉnh L đối với ông Phùng Văn T4.

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Căn cứ vào điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013; Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Hạ tầng sau kè bờ tả sông Hồng khu vực cầu P3, huyện B; Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B.

Để thực hiện dự án đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của những người có đất bị thu hồi, UBND huyện B đã tiến hành thủ tục thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Đã ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện xây dựng công trình: Hạ tầng

kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3 tại Quyết định số 5096/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện B.

- Đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 905/TB-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện B để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3.

Ngày 16/8/2019, UBND huyện B đã tổ chức hội nghị triển khai Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3 đến những người có đất bị thu hồi theo đúng quy định. Tuy nhiên các con của ông Phùng Văn T4 đã không phối hợp để thực hiện. Do đó, UBND huyện B đã ban hành:

- Quyết định số 3586/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 v/v kiểm đếm bắt buộc;

- Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 v/v cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc;

Ngày 18/9/2020, UBND huyện B đã thực hiện biện pháp cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc để thống kê, kiểm đếm diện tích đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với ông Phùng Văn T4 (đã chết), người thừa kế theo pháp luật gồm: Ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị Kim P, ông Phùng Văn T1, bà Phùng Kim D, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị P1 và bà Phùng Thị Kim L2 theo quy định.

Ngày 28/12/2020, UBND huyện B ban hành Quyết định số 7018/QĐ-UBND v/v thu hồi đất;

Ngày 28/12/2020, UBND huyện B ban hành Quyết định số 7019/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B đã ban hành Thông báo số 01/TB-PTQĐ ngày 07/01/2021 và Thông báo số 07/TB-PTQĐ ngày 13/01/2021 về thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3. Tuy nhiên cả 02 lần những người thừa kế theo pháp luật của ông Phùng Văn T4 bao gồm: Ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị Kim P, ông Phùng Văn T1, bà Phùng Kim D, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị P1 và bà Phùng Thị Kim L2 đều vắng mặt.

Như vậy, UBND huyện B đã triển khai thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm đ khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 165, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 11, Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T1 về việc:

- Hủy Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B, tỉnh L đối với ông Phùng Văn T4;

- Hủy Quyết định số 7019/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B, tỉnh L đối với ông Phùng Văn T4.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị Kim L2, bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Kim D về việc:

- Hủy Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B, tỉnh L đối với ông Phùng Văn T4;

- Hủy Quyết định số 7019/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B, tỉnh L đối với ông Phùng Văn T4.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/7/2021, tất cả người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có ý kiến cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T1, xác định ông T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 3 là không chính xác. Mặt khác ông T1 chỉ là một trong 7 người khởi kiện vắng mặt, những người khác vẫn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là vi phạm quy định tại Điều 35, 157 Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: thửa đất đứng tên ông Phùng Văn T4 có nguồn gốc do gia đình khai hoang từ những năm 1950 sử dụng ổn định, quá trình sử dụng đất đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh L lập hồ sơ kỹ thuật thể hiện 1371,3m² đất T; Hộ ông T4 đã sử dụng đất ổn định, lâu dài vào mục đích đất ở. Quá trình sử dụng đất ông T4 đã tách riêng thửa cho các con, các con ông T4 đã xây dựng nhà ở. Việc kê khai toàn bộ diện tích đất đứng tên ông Phùng Văn T2 là không có cơ sở. Việc thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ảnh hưởng đến quyền được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013 và điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ; diện tích đất bị thu hồi trên thực thửa ra 156,4m² so với quyết định thu hồi đất, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sau khi phân tích tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18/01/2021 bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Kim D, bà Phùng Thị Kim L2, ông Phùng Văn T2 khởi kiện đối với Quyết định số 7018/QĐ-UBND và Quyết định số 7019/QĐ-UBND cùng ngày 28/12/2020 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B, tỉnh L đối với ông Phùng Văn T4 (đã chết). Những người khởi kiện cũng đồng thời là người thừa kế của ông Phùng Văn T4, cùng làm đơn khởi kiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh L thụ lý giải quyết theo đúng quy định tại Điều 30, 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện là ông Phùng Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ 3 nên bị coi như từ bỏ việc khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T1 là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện UBND huyện B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 7018/QĐ-UBND và Quyết định số 7019/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B.

[2.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục:

UBND huyện B ban hành Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 về việc thu hồi đất và Quyết định số 7019/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với những người thừa kế theo pháp luật của ông Phùng Văn T4 (đã chết) gồm: Ông Phùng Văn T1, ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị Kim L2, bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Kim D là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét việc xác định chủ sử dụng đất bị thu hồi; xác định loại đất đối với diện tích đất bị thu hồi; xem xét nội dung Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đó:

[2.2.1] Về việc xác định chủ sử dụng đất bị thu hồi:

Tại Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B xác định thu hồi đất của ông Phùng Văn T4. Do ông Phùng Văn T4 đã chết, không để lại di chúc nên trong quyết định xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông T4 là ông Phùng Văn T1, ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị Kim L2, bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Kim D.

Theo các tài liệu xác minh về nguồn gốc đất và lời trình bày của người khởi kiện thì nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi do bố mẹ vợ của ông Phùng Văn T4 khai phá, tặng cho vợ chồng ông T4 sử dụng ổn định. Năm 1971 bà Cấn Thị Q1 chết, năm 1999 ông Phùng Văn T4 chết đều không để lại di chúc về việc phân chia di sản. Sau đó những người thừa kế của ông T4, bà Q1 chưa thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế, tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện cũng thừa nhận sau khi ông T4 chết, các đồng thừa kế chưa làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế. Do đó Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B xác định

người bị thu hồi đất là ông Phùng Văn T4 (đã chết) và những người thừa kế theo pháp luật làm đại diện là đúng quy định của pháp luật.

[2.2.2] Về việc xác định loại đất đối với diện tích đất bị thu hồi:

Theo Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B thu hồi 1.181,9m² đất gồm 600,0m² đất ở tại đô thị, 581,9m² đất trồng cây lâu năm của ông Phùng Văn T4 (đã chết), người thừa kế theo pháp luật gồm: ông Phùng Văn T1, ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị Kim L2, bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Kim D, thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số DC 61, tại tổ dân phố số 1, thị trấn P3, huyện B, tỉnh L.

Người khởi kiện cho rằng việc UBND huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất số 7018 trong đó xác định thu hồi diện tích đất gồm 600,0m² là đất ở tại đô thị, 581,9m² đất trồng cây lâu năm là không đúng, bởi lẽ theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 23/11/1995 thì thửa đất của ông Phùng Văn T4 có số hiệu 66, mảnh bản đồ gốc F-48-65-09-(19-b) xác định toàn bộ thửa đất diện tích 1.371,3m², mục đích sử dụng: T (theo Quyết định số 499 QĐ/ĐC của Tổng cục địa chính thì chữ “T” ký hiệu là đất ở.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quy định tại Điều 11 Luật Đất đai 2013 để xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau:

“1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

2. Giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này;

3. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này;

4. Đối với trường hợp không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì việc xác định loại đất thực hiện theo quy định của Chính phủ.”

Như vậy, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất 66, mảnh: F-48-65-09-(19-b), chủ sử dụng ông Phùng Văn T4 lập ngày 23/11/1995 do người khởi kiện cung cấp không phải căn cứ pháp lý để xác định loại đất theo quy định của pháp luật. Việc người khởi kiện cho rằng toàn bộ diện tích đất của ông T4 đã được đo vẽ từ năm 1995 là đất ở

nên UBND huyện B xác định loại đất theo Quyết định thu hồi không đúng là không có căn cứ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: mặc dù nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi là do bố mẹ vợ của ông Phùng Văn T4 khai phá, tặng cho vợ chồng ông T4 sử dụng ổn định tuy nhiên diện tích đất bị thu hồi chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai quy định về việc xác định loại đất đối với trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 11 Luật Đất đai được thực hiện như sau: *“Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng”*.

Theo lời khai của những người khởi kiện thì quá trình sử dụng đất ông Phùng Văn T4 và bà Cán Thị Q1 cùng các con sinh sống trong căn nhà gỗ 5 gian, 2 trái. Sau đó ông T4 cho các con mỗi người một phần đất để ở, cụ thể bà Phùng Thị Kim P diện tích 132m², bà Phùng Thị L1 diện tích 137m², ông Phùng Văn T1 diện tích 263m², bà Phùng Thị P1 diện tích 135m², bà Phùng Thị Kim L2 diện tích 130m², riêng ông Phùng Văn T2 sinh sống cùng với ông T4. Các con ông T4 (trừ bà Phùng Kim D) đều đã dựng nhà và sinh sống trên đất, tuy nhiên do là nhà tranh vách nứa, qua thời gian đã lâu, thiên tai, hỏa hoạn nên nhà cửa đều đã bị mục, đổ hết các con ông T4 lần lượt chuyển đi nơi khác sinh sống, cụ thể: Bà L1, ông T1 chuyển khẩu lên thành phố L tháng 3/1993; Bà D chuyển khẩu lên M2 năm 1988; Bà P chuyển khẩu lên thành phố L năm 1994; bà P1 chuyển khẩu lên thành phố L năm 1995; bà L2 chuyển khẩu năm 1994, chỉ có ông T2 ở lại thị trấn P3.

Những người khởi kiện cho rằng tuy chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng những người con của ông T4 vẫn sử dụng nhà và đất liên tục đến nay, có những lúc cho thuê nhà để lấy tiền sinh sống là không có căn cứ và mâu thuẫn với chính lời trình bày của người khởi kiện tại các văn bản đề nghị xác nhận tại các bút lục 118, 119, 120, 121 cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện: toàn bộ nhà đã dựng đều là nhà lá, nhà gỗ nên thiên tai, bão lũ, mối mọt đã bị đổ hết; bà Phùng Thị P1 xác nhận nhà do gia đình bà dựng đổ năm 1998, bà P xác nhận dựng nhà từ năm 1981 cho bà Phùng Thị L1 ở nhờ đến năm 1993 gia đình bà chuyển lên thành phố L ngôi nhà gỗ không sử dụng bị hư hỏng; ngôi nhà gỗ của ông T2 sử dụng năm 2012 cũng bị đổ. Các đương sự đều khẳng định năm 2012, các con ông T4 đến UBND thị trấn P3, huyện B xin làm lại nhà và làm bìa đồ nhưng do đất vào quy hoạch nên không được cấp

bìa đỏ và không cho dựng lại nhà nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, mặt khác năm 2012 chưa có quy hoạch hạ tầng sau kè bờ tả sông Hồng.

Quá trình thực hiện thu hồi đất, UBND huyện B đã tiến hành đo đạc, kiểm đất đất đai, tài sản, vật kiến trúc và cây trồng trên diện tích đất bị thu hồi của ông Phùng Văn T4. Theo Biên bản đo đạc diện tích đất, kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất ngày 18/9/2020 của Ban cưỡng chế - UBND huyện B xác định tại vị trí thửa đất số: 01, tờ bản đồ DC 61 thuộc tổ dân phố số 1, thị trấn P3, huyện B thuộc phạm vi thu hồi đất xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực Cầu P3, huyện B xác định tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất bao gồm tường xây gạch không nung, sân giếng bê tông, một số cây ăn quả. Đối với việc kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất theo Biên bản ngày 18/9/2020 thì người khởi kiện đều không có ý kiến gì.

Xét thấy, hiện trạng đang sử dụng đất theo Biên bản đo đạc diện tích đất, kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất ngày 18/9/2020 thì diện tích đất bị thu hồi của ông Phùng Văn T4 không có đất ở (từ năm 2012 đến nay trên đất không còn nhà cửa để ở nên không có căn cứ xác định là người khởi kiện đang sử dụng đất và sử dụng liên tục). Vì vậy, UBND huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất trong đó xác định có 600m² đất ở tại đô thị, 581,9m² đất trồng cây lâu năm là có lợi cho người khởi kiện.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh L diện tích đất thực tế theo biên bản đo đạc là 1.403,9 m², trong đó có 1.247,5m² là đất giải phóng mặt bằng, ngoài diện tích giải phóng mặt bằng là 156,4m². Sau khi có kết quả đo đạc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L đã tiến hành lồng ghép diện tích đất lên sơ đồ thửa đất bị thu hồi theo quyết định 7018/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B để xác định vị trí, diện tích đất trong ranh giới giải phóng mặt bằng bị thu hồi, diện tích đất do UBND thị trấn P3 quản lý và diện tích đất ngoài ranh giới giải phóng mặt bằng.

[2.2.3] Về nội dung Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Theo Quyết định số 7019/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Phùng Văn T4 (đã chết), những người thừa kế theo pháp luật gồm: Ông Phùng Văn T1, ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị Kim L2, bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Kim D. Cụ thể: Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất đai: 377.457.000 đồng, giá trị bồi thường tài sản, vật kiến trúc: 5.954.342 đồng, giá trị bồi thường cây cối, hoa màu 8.372.100 đồng; Chi phí tổ chức thực hiện GPMB: 7.835.669 đồng. Tổng kinh phí phê duyệt: 399.619.111 đồng. Về việc tái định cư: Giao đất có thu

tiền sử dụng đất: 01 lô đất ở tại đô thị, vị trí: Lô đất số 35, LK18, đường D4, Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả Sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B.

Như đã phân tích ở trên thì việc UBND huyện B xác định người có đất bị thu hồi và loại đất theo Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Theo đó, UBND huyện B căn cứ vào quy định của Luật Đất đai 2013, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh L phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường và giá đất cụ thể để giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại huyện B và thành phố L và các tài liệu có liên quan để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với người thừa kế theo pháp luật của ông Phùng Văn T4 (đã chết) là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị Kim L2, bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Kim D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 về việc thu hồi đất và Quyết định số 7019/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện B phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu P3, huyện B, tỉnh L đối với ông Phùng Văn T4 là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện cũng như ý kiến đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện.

[3] Về án phí: ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị Kim L2, bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Kim D, ông Phùng Văn T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị Kim L2, bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Kim D, ông Phùng Văn T1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

2. Về án phí: ông Phùng Văn T2, bà Phùng Thị P1, bà Phùng Thị L1, bà Phùng Thị Kim L2, bà Phùng Thị Kim P, bà Phùng Kim D, ông Phùng Văn T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí các ông bà trên đã nộp theo biên lai thu số 0000047 ngày 19 tháng 07 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm

Lê Thị Mai

Vũ Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- Cục THA dân sự tỉnh L;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà